



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCL
ngày tháng năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Bộ phận Kiểm nghiệm – Phòng Quản lý Chất lượng**

Laboratory: **Laboratory section - Quality management department**

Tổ chức/ Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre**

Organization: **Ben Tre Import Export Joint Stock Corporation**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Sinh, Hóa**

Field of testing: **Biological, Chemical**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Nguyễn Thị Cẩm Như**

Số hiệu/ Code: **VILAS 753**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Kể từ ngày / /2025 đến ngày 08/06/2029**

Địa chỉ/ Address:

**Lô K, CCN-TTCN Phong Năm, Xã Phong Năm, Huyện Giồng Trôm,
Tỉnh Bến Tre, Việt Nam**

**Lot K, Phong Nam Industrial Cluster - Cottage Industry, Phong Nam Commune,
Giồng Trom District, Ben Tre Province, Vietnam**

Địa điểm/Location:

**Lô K, CCN-TTCN Phong Năm, Xã Phong Năm, Huyện Giồng Trôm,
Tỉnh Bến Tre, Việt Nam**

**Lot K, Phong Nam Industrial Cluster - Cottage Industry, Phong Nam Commune,
Giồng Trom District, Ben Tre Province, Vietnam**

Điện thoại/ Tel: **(+84) 275 7300 668**

E-mail: **betrimex@hcm.vnn.vn**

Website: **www.betrimex.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 753

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thành phẩm nước dừa, sữa dừa, nước cốt dừa, cơm dừa sấy khô <i>Coconut water, Coconut milk, Coconut cream, Desiccated coconut</i>	Định lượng Tổng số vi sinh vật hiếu khí Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of aerobic microorganisms</i> <i>Colony count technique</i>		FDA BAM Chapter 3 (A,B,C,D):2021 (a)
2.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Coliforms</i> <i>Colony count technique</i>		FDA BAM Chapter 4 (G):2020 (a) (b)
3.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44 °C sử dụng 5-bromo-4-clo-3-indolyl β - Dglucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase positive Escherichia coli.</i> <i>Colony count technique at 44 °C using 5-bromo-4-chloro-3-indolyl β-D- glucuronide</i>		ISO 16649-2:2001 (a) (b)
4.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Phương pháp sử dụng môi trường thạch Baird-Parker <i>Enumeration of coagulase-positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)</i> <i>Method using Baird-Parker agar medium</i>		ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023 (a) (b)



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 753**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
5.	Thành phẩm nước dừa, sữa dừa, nước cốt dừa, cơm dừa sấy khô <i>Coconut water, Coconut milk, Coconut cream, Desiccated coconut</i>	Phát hiện <i>Salmonella</i> spp. <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ : Nước dừa/ <i>Coconut water</i> 1.3 CFU/25 g Cơm dừa/ <i>Desiccated coconut</i> 2.4 CFU/25 g Sữa dừa, nước cốt dừa/ <i>Coconut milk, Coconut cream</i> 1.6 CFU/25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020 (a) (b)
6.	Thành phẩm nước dừa <i>Coconut water</i>	Định lượng nhanh Tổng số vi sinh vật hiếu khí. Phương pháp sử dụng đĩa đếm 3M™ Petrifilm™ <i>Enumeration of aerobics plate count 3M™ Petrifilm™ Rapid Aerobic Count Plate</i>		AOAC 2015.13 (c)

Chú thích / Note:

- FDA BAM: *Food and Drug Administration's Bacteriological Analytical Manual*
- eLOD₅₀: estimated LOD₅₀
- ISO: *International Organization for Standardization*
- AOAC: *Association of Official Agricultural Chemists*
- Ref: Phương pháp tham khảo/ *Reference method*
- (a): Phép thử được công nhận theo Quyết định số 1100/QĐ-VPCNCL ngày 29/05/2024/ *Accredited tests base on decision number 1100/QĐ-VPCNCL dated 29/05/2024.*
- (b): Phép thử được công nhận theo Quyết định số 2828/QĐ-VPCNCL ngày 19/11/2024/ *Accredited tests base on decision number 2828/QĐ-VPCNCL dated 19/11/2024.*
- (c): Phép thử mở rộng/ *Extend tests (04.2025/ April 2025)*

Trường hợp Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Ben Tre Import Export Joint Stock Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 753

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Cơm dừa sấy khô <i>Desiccated coconut</i>	Xác định hàm lượng dầu Phương pháp ly trích với hexane hoặc dầu nhẹ <i>Determination of oil content Extraction with hexane or light petroleum method</i>	0.1%	ISO 734:2023 (a)
2.		Xác định độ ẩm và hàm lượng chất bay hơi <i>Determination of moisture and volatile matter content</i>	0.2%	ISO 665:2020 (a)
3.		Xác định độ axit của dầu <i>Determination of acidity of oils</i>	0.012%	ISO 729:1988 (a)
4.	Thành phẩm nước dừa, sữa dừa, nước cốt dừa <i>Coconut water, Coconut milk, Coconut cream</i>	Xác định độ pH <i>Determination of pH</i>	2~12	ISO 1842:1991 (b)
5.		Xác định chất rắn hòa tan Phương pháp khúc xạ kế <i>Determination of soluble solids Refractometric method</i>	(1~ 70) %	ISO 2173:2003 (c)
6.	Dầu dừa <i>Coconut oil</i>	Xác định độ axit <i>Determination of acidity</i>		ISO 660:2020 (b)
7.		Xác định trị số peroxit <i>Determination of peroxide value</i>		ISO 3960:2017 (b)
8.		Xác định chỉ số xà phòng hóa <i>Determination of saponification value</i>		ISO 3657:2023 (c)
9.		Xác định chỉ số I ốt <i>Determination of Iodine value</i>		ISO 3961:2024 (c)

Chú thích / Note:

- ISO: International Organization for Standardization
- (a): Phép thử được công nhận theo Quyết định số 1100/QĐ-VPCNCL ngày 29/05/2024/ *Accredited tests base on decision number 1100/QĐ-VPCNCL dated 29/05/2024.*
- (b): Phép thử được công nhận theo Quyết định số 2828/QĐ-VPCNCL ngày 19/11/2024/ *Accredited tests base on decision number 2828/QĐ-VPCNCL dated 19/11/2024.*
- (c): Phép thử mở rộng/ *Extend tests (03.2025/ March 2025)*

Trường hợp Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Bến Tre phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Ben Tre Import Export Joint Stock Corporation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*